

Số: /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tài chính nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2019

(Tài liệu báo cáo tại kì họp thứ 15 - HĐND tỉnh khóa XVI)

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Báo cáo tài chính nhà nước năm 2019 như sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC:

1. Mục tiêu:

Mục tiêu của Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) là cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước của địa phương. Qua Báo cáo tài chính, thông tin tài chính nhà nước sẽ được minh bạch hóa, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý tài chính hiện đại, hướng đến phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán công quốc tế.

So với các báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, BCTCNN sẽ cung cấp bức tranh đầy đủ và toàn diện hơn về tiềm lực tài chính của khu vực tài chính nhà nước, bao gồm thông tin về: Tài sản công, nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nợ công, thu nhập, chi phí, các tài sản và nguồn vốn khác của nhà nước... . Qua đó, nhà quản lý, nhà đầu tư, các tổ chức kinh tế, người dân có thể phân tích được toàn bộ thực trạng và quản lý nguồn lực (*tài sản công, nợ công, doanh thu, chi phí...*). Từ đó, đánh giá hiệu quả chi tiêu công, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính nhà nước cũng như phân tích khả năng tài chính của địa phương để đưa ra các giải pháp quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực, quản lý vay nợ, giảm thiểu áp lực chi tiêu và những rủi ro tài chính trong tương lai, nhằm

duy trì tính ổn định và bền vững, tăng khả năng tín nhiệm của nền tài chính địa phương.

2. Phạm vi:

Theo quy định, số liệu BCTCNN tỉnh Hải Dương được tổng hợp từ Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước: Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan quản lý tài sản và nguồn vốn của nhà nước, 6 tổ chức chính trị - xã hội (*không tổng hợp thông tin tài chính của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp*). Qua đó, phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ NSNN địa phương hoặc do tỉnh Hải Dương quản lý.

Số liệu trên BCTCNN tỉnh Hải Dương được tổng hợp từ 1.235 Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị, số liệu thu và phải thu của các Chi cục Thuế và Cục Thuế tỉnh; số liệu vay nợ của tỉnh được tổng hợp từ KBNN tỉnh và số liệu vay của tỉnh do Vụ NSNN - Bộ Tài chính cung cấp; số liệu **vốn nhà nước tại doanh nghiệp do tỉnh quản lý** từ Sở Tài chính cung cấp và một số số liệu thu, chi NSNN khác chưa có trong các báo cáo nêu trên do KBNN tỉnh tổng hợp từ hệ thống TABMIS. Trong đó, **Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính cấp huyện** trực thuộc tỉnh Hải Dương được tổng hợp từ **Báo cáo cung cấp thông tin tài chính** của các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách cấp huyện; Báo cáo tài chính của cấp xã trên địa bàn huyện; số liệu thu và phải thu NSNN của các **Chi cục Thuế** và một số số liệu thu, chi NSNN khác chưa có trong các báo cáo nêu trên của huyện do KBNN Hải Dương tổng hợp từ hệ thống TABMIS.

II. NỘI DUNG CỦA BCTCNN TỈNH HẢI DƯƠNG

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Hải Dương bao gồm 4 báo cáo: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tỉnh, Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

1. Quy trình lập, gửi BCTCNN Tỉnh

1.1. Lập Báo cáo cung cấp thông tin tài chính

- Đơn vị dự toán cấp I lập Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (Báo cáo CCTTTC) gửi KBNN đồng cấp để tổng hợp báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện gửi KBNN tỉnh lập BCTCNN tỉnh:

- Sở Tài chính: Cung cấp thông tin tài chính năm 2019 liên quan đến vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý theo Mẫu số 04/CCTT kèm theo Thông tư số 133/2018/TT-BTC.

- Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế khu vực: Cung cấp thông tin tài chính nhà nước năm 2019 liên quan đến các khoản thu thuế và thu nội địa khác được giao

quản lý và các khoản thu nội địa vãng lai khác (nếu có);

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập Báo cáo tài chính xã theo hướng dẫn tại Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã hiện hành và gửi KBNN cấp huyện;

- Vụ Ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính): Cung cấp thông tin tài chính năm 2019 liên quan đến tình hình vay và trả nợ của chính quyền địa phương năm 2018 theo mẫu quy định tại Phụ lục III, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

- Báo cáo CCTTTC của KBNN cấp Tỉnh, cấp huyện: Số liệu liên quan đến hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và các thông tin tài chính nhà nước khác giao KBNN cấp tỉnh, cấp huyện theo dõi.

1.2. Tiếp nhận, kiểm tra Báo cáo CCTTTC:

KBNN tỉnh tiếp nhận Báo cáo CCTTTC của các đơn vị qua công thông tin điện tử Tổng kế toán nhà nước, kiểm tra, phân loại thông tin, hoàn thiện Báo cáo CCTTTC để lập BCTCNN tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình tổng hợp báo cáo.

1.3. Lập báo cáo Tài chính nhà nước tỉnh

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh được KBNN tỉnh lập theo biểu mẫu quy định tại Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ và Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài Chính¹; lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính vào các nội dung báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020; BCTCNN tỉnh năm 2019 được UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, không qua quy trình thẩm tra, phê duyệt như Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương (*theo hướng dẫn tại Công văn số 14165/BTC-KBNN ngày 21/11/2019 của Bộ Tài chính gửi UBND các tỉnh, tỉnh trực thuộc Trung ương*).

2. Về một số nguyên tắc cơ bản lập BCTCNN tỉnh:

Khác với báo cáo quyết toán NSNN tỉnh hàng năm được lập trên cơ sở số thực thu thực chi bằng tiền của quỹ NSNN, BCTCNN tỉnh được tổng hợp từ phạm vi rộng hơn, là toàn bộ khu vực nhà nước thuộc tỉnh, trong đó các tài sản hình thành từ quỹ NSNN tỉnh cũng chiếm một tỷ trọng chủ yếu. Ngoài ra, BCTCNN còn bao gồm số liệu tài chính của các quỹ tài chính nhà nước khác (như: quỹ dự trữ tài chính); số liệu thu chi sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập không phản ánh qua thu, chi NSNN (các khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị); giá trị tài sản kết cấu hạ tầng và bất động sản khác thuộc khu vực nhà nước của tỉnh Hải Dương...Số liệu chi NSNN hỗ trợ cho các tổ chức

¹ Đã loại trừ các giao dịch nội bộ

chính trị xã hội nghề nghiệp được tổng hợp trong số chi phí khác của nguồn NSNN.

2.1. Về cách thức, phương pháp kế toán để tổng hợp BCTCNN tỉnh:

Theo quy định, việc lập các báo cáo tài chính nhà nước tỉnh không chỉ dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (kế toán tiền mặt), mà còn dựa trên số liệu kế toán theo nguyên tắc doanh thu và chi phí được ghi nhận ngay từ khi khu vực nhà nước phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (kế toán dồn tích).

2.2. Về các nội dung phản ánh trên BCTCNN tỉnh

BCTCNN tỉnh cung cấp thông tin về tình hình tài sản và các nguồn hình thành tài sản tương ứng của khu vực nhà nước: các tài sản được hình thành từ việc thu và chi tài chính; chi tiết các nguồn hình thành cho các tài sản nhà nước; kết quả hoạt động tài chính nhà nước qua số liệu thu và chi tài chính; cung cấp về các luồng tiền thực vào ra trong kỳ báo cáo (nội dung này báo cáo quyết toán NSNN hàng năm chưa cung cấp).

2.3. Về các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi lập BCTCNN

- Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

- Chi, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản... cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc ngân sách cấp tỉnh.

- Giao dịch nội bộ giữa các đơn vị dự toán cấp I trong phạm vi lập Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh (*các khoản phải thu và nợ phải trả, các khoản đầu tư tài chính và nhận đầu tư tài chính, doanh thu và chi phí*).

3. Danh mục Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh

Các biểu mẫu báo cáo được xây dựng theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, bao quát được tất cả các đối tượng Kế toán nhà nước, đảm bảo tính lâu dài và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai. Bao gồm: (1) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh; (2) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh; (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tỉnh; (4) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

4. Một số nội dung cụ thể của BCTCNN tỉnh 2019:

4.1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Phụ lục 01 đính kèm, biểu 01 phân tích tình hình biến động BCTC).

Báo cáo phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản nhà nước tỉnh tại thời điểm cuối năm 2019, cụ thể:

- Quy mô về tổng tài sản và tổng nguồn vốn của địa phương năm 2019 so với năm 2018 tăng xấp xỉ **15.697** tỷ đồng tương đương **142,6%**:

- Về tài sản nhà nước tỉnh: Quy mô tăng tương đối lớn ở cả hai chỉ tiêu tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, Tài sản ngắn hạn năm 2019 xấp xỉ **8.241** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **15,7%** của tổng tài sản), tăng gần **3.674** tỷ đồng (tương đương **180,4%**) so với năm 2018; tài sản dài hạn năm 2019 hơn **44.264** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **84,3%** của tổng tài sản), tăng gần **12.023** tỷ đồng (tương đương **137,3%**) so với năm 2018, chủ yếu một số nội dung sau:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền gần **5.589** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **10,64%** của tổng tài sản) tăng hơn **3.007** tỷ đồng (tương đương tăng **216,5%**) so với năm 2018;

+ Các khoản phải thu hơn **2.449** tỷ đồng đã loại trừ gần 601 tỷ đồng giao dịch nội bộ trong cùng tỉnh (chiếm tỷ trọng **4,66%** của tổng tài sản), tăng hơn **630** tỷ đồng (tương đương tăng **134,6%**) so với năm 2018 (chủ yếu là các khoản phải thu của cơ quan Thuế xấp xỉ **2.313** tỷ đồng).

Các khoản thu khác gần 63 tỷ đồng tại các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông phát sinh do hạch toán sai nên tổng hợp báo cáo không đúng và một số khoản thu tiền học thêm, tiền gửi xe, tiền thu tiếng Anh ngoại khóa, tiền liên kết nghề, xã hội hóa, những khoản thu này các trường không quản lý qua ngân sách được theo dõi quản lý thu chi tại các trường.

Các khoản thu của các đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý 661 tỷ đồng (kinh phí do BHXH tạm ứng cho các đơn vị thực hiện khám chữa bệnh của các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế, tiền ứng trước viện phí của bệnh nhân, các khoản ứng trước cho khách hàng thực hiện các hợp đồng xây dựng, mua thuốc, vật tư tiêu hao, các khoản thu của khách hàng đã thực hiện các dịch vụ nhưng còn nợ như khám sức khỏe...), Sở Tài nguyên 21 tỷ đồng (tiền tạm ứng người lao động, lãi TGNH có kỳ hạn, một số do khách hàng ứng trước tiền để thực hiện dịch vụ), Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Hải Dương 6 tỷ đồng (các hợp đồng về quảng cáo, tuyên truyền khách hàng còn nợ); Trường Đại học Hải Dương 4 tỷ; Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông Hải Dương 4 tỷ đồng...

+ Hàng tồn kho **190** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **0,36%** của tổng tài sản) tăng gần **35** tỷ đồng (tương đương tăng **122,4%**) so với năm 2018; trong đó: Sở Y tế 160 tỷ đồng (các khoản thuốc, vật tư tiêu hao, hoá chất tồn trong kho của Khoa dược và tồn ở các khoa khi cấp phát về, tồn trên bệnh án bệnh nhân đang điều trị và trên bệnh án chưa thanh toán ra viện); các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 11 tỷ đồng (các khoản thuốc, hoá chất, vắc xin thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, cát đá phục vụ cho công tác phòng chống lụt bão đã mua tồn trong kho chưa xuất dùng).

+ Vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đầu tư tài chính dài hạn) **2.640** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **5,03%** của tổng tài sản) tăng gần 74 tỷ đồng (tương đương tăng **102,9%**) so với năm 2018, trong đó vốn nhà nước tại doanh nghiệp đến cuối năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Công ty CP Cầu đường bộ Hải Dương	3,1	4,9
2	Công ty CP Kinh doanh nước sạch Hải Dương	207,2	207,2
3	Công ty CP Quản lý đường thủy Hải Dương	-	3,4
4	Công ty CP Giao thông, môi trường và đô thị Chí Linh	2,5	4,2
5	Công ty CP Môi trường đô thị Hải Dương	-	6,9
6	Công ty CP Giống cây trồng Hải Dương	25,3	25,3
7	Công ty CP Truyền hình cáp Hải Dương	1,2	1,2
8	Công ty CP Quản lý các bến xe khách Hải Dương	17,0	-
9	Công ty CP Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương	30,2	-
10	Công ty TNHH một thành viên Giống gia súc Hải Dương	40,7	40,7
11	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương	1.970,6	1.948,8
12	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hải Dương	25,1	24,4
13	Công ty TNHH một thành viên KCN Lai Vu	47,8	47,8
14	Ngân hàng chính sách – xã hội Hải Dương	64,7	51,6
15	Quỹ ĐTPT tỉnh Hải Dương	204,5	199,7
Tổng cộng		2.639,9	2.566,2

Năm 2019, có 04 doanh nghiệp có vốn nhà nước giảm so với năm 2018 do đơn vị thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, đó là: Công ty CP Cầu đường bộ Hải Dương, Công ty CP Quản lý đường thủy Hải Dương, Công ty CP Giao thông, môi trường và đô thị Chí Linh, Công ty CP Môi trường đô thị Hải Dương.

+ Xây dựng cơ bản dở dang năm 2019: 1.673 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 3,19% tổng tài sản), tăng 499 tỷ đồng (tương đương tăng 142,5%) so với năm 2018, phát sinh chủ yếu ở một số đơn vị sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên đơn vị	Số tiền
Khối trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	126
Xí nghiệp giao thông Hải Dương	2
Phòng Quản lý đô thị thành phố Hải Dương	49
Văn phòng Huyện uỷ Nam Sách	3
Văn phòng UBND thành phố Hải Dương	20
UBND tỉnh Hải Dương	27
Sở Lao động Thương binh - và Xã hội	7
Sở Giao thông Vận tải	14
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	307
Sở Tài nguyên và Môi trường	137
Sở Y tế tỉnh Hải Dương	889
Trường Đại học Hải Dương	47
TT Giới thiệu việc làm Thanh niên tỉnh	4
Trường Cao đẳng Hải Dương	39
...	...
Cộng	1.673

+ Tài sản cố định **16.438 tỷ đồng** (chiếm tỷ trọng **31,31%** của tổng tài sản), tăng **1.804 tỷ đồng** (tương đương tăng **112,3%**) so với năm 2018. Về Tài sản kết cấu hạ tầng: Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng năm 2019 gần

9.189 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 17,5% của tổng tài sản), tăng gần 675 tỷ đồng (tương đương tăng 107,9%) so với năm 2018.

Đối với Tài sản kết cấu hạ tầng các công trình nước sạch do Sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn giao cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp: số liệu phản ánh nguyên giá đầu năm 2019 là giá trị nguyên giá của năm 2013 chuyển sang, số phát sinh của các năm từ 2014 đến 2018 là không xác định được. Lý do: Các công trình nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn đều đã sử dụng trước khi Thông tư 54/2013/TT-BTC có hiệu lực và chưa được giao cho đơn vị tiếp nhận quản lý theo quy định tại Thông tư 54/2013/TT-BTC nên năm 2014 khi cập nhật, duyệt dữ liệu vào phần mềm Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung của Bộ Tài chính, nội dung dữ liệu các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Hải Dương đã báo cáo "*Chưa xác định thời gian khấu hao công trình*". Vì vậy, không có số liệu về giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại trong năm và không xác định được giá trị nguyên giá của năm tiếp theo. Ngoài ra, việc các công trình sau khi đầu tư hoàn thành đã được bàn giao cho UBND các xã tiếp nhận quản lý, UBND các xã giao lại công trình cho các Hợp tác xã, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, vận hành khai thác công trình; định kỳ hàng năm các đơn vị cấp nước không thực hiện báo cáo tài sản tăng giảm trong năm, do vậy cũng không có số liệu tăng giảm trong năm về nguyên giá, khấu hao, hao mòn lũy kế để có dữ liệu tổng hợp cho năm kế tiếp.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông do Sở Giao thông vận tải cung cấp: mới chỉ có tài sản giao thông cấp tỉnh quản lý, nguyên giá đến cuối năm 2019 là gần 10.461 tỷ đồng, giá trị còn lại gần 9.093 tỷ đồng, tuy nhiên tài sản hạ tầng đường thủy mới có nhà trạm đường thủy, chưa có luồng lạch do các Bộ chưa có hướng dẫn kiểm kê áp giá nên tháng 03/2020 mới thực hiện kiểm kê. Phần tài sản kết cấu hạ tầng giao thông tăng lên do: tăng đường 62m kéo dài Km2+900-Km6+400; tăng đường trục Bắc Nam Km9+40-Km18+224; tăng cầu Cửa An do XDCB bàn giao, tăng cầu Văn Thai do kiểm kê thiếu từ trước năm 2013.

Như vậy, khoản phải thu là chỉ tiêu quan trọng khi xem xét khoản mục này, các đơn vị sử dụng ngân sách phải lưu ý đến các yếu tố tác động: phương thức thanh toán, chính sách tín dụng, đối tượng khách hàng, khả năng quản lý công nợ hay những ảnh hưởng của các yếu tố khác... kết hợp với chỉ tiêu hàng tồn kho, hai chỉ tiêu này ảnh hưởng cơ bản đến doanh thu, trong khi các dịch vụ cung cấp chưa thu được tiền thì tiền ngân sách bỏ ra để mua sắm vật tư hàng hóa không xuất dùng hết để trong kho gây ra sự ứ đọng. Do vậy cần nâng cao hơn

nữa trong việc lập, chấp hành dự toán từ đó nâng cao hiệu quả đồng vốn từ ngân sách.

- Tương ứng với các tài sản nêu trên, BCTCNN tính phản ánh nguồn hình thành tài sản hơn **52.505** tỷ đồng, tăng hơn **15.771** tỷ đồng (tương đương **142,9%**) so với năm 2018.

+ Về nguồn vốn năm 2019 hơn **51.457** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **97,24%**), tăng hơn **15.666** tỷ đồng (tương đương tăng **143,8%**) so với năm 2018, trong đó:

Nguồn hình thành các tài sản năm gần **21.420** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **40,8%** của tổng nguồn vốn), tăng hơn **9.366** tỷ đồng (tương đương **177,7%**) so với năm 2018;

Nguồn vốn khác (Tài sản thuần khác) năm 2019 gần **11.450** tỷ đồng (chiếm tỷ trọng **21,81%** của tổng nguồn vốn), tăng gần **2.060** tỷ đồng (tương đương **121,9%**) so với năm 2018 chủ yếu của một số đơn vị sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khối trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	35
Ban quản lý các dự án ĐTXDCB TP Chí Linh	1
Ban Quản lý dự án ĐTXDCB tỉnh	4359
Ban Quản lý dự án XDCB Thành phố Hải Dương	1.087
Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	5
Hội Khuyến học tỉnh	1
Phòng Công chứng số 1	2
Sở Giáo dục và Đào tạo	9
Sở Giao thông - Vận tải	7
Sở Khoa học và Công nghệ	6
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	6
Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1
Sở Tài nguyên và Môi trường	21
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
Sở Y tế	369
Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh	4
Trung tâm Kiểm định chất lượng CTXD Hải Dương	1
Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn tỉnh	4
Trường Cao đẳng Hải Dương	34

Trường Cao đẳng nghề Hải Dương	2
Trường cao đẳng Y tế Hải Dương	3
Trường Chính trị tỉnh	1
Trường Đại học Hải Dương	10
TT Trợ giúp pháp lý tỉnh	1
TT Tư vấn và Dịch vụ tài chính tỉnh	2
Văn phòng ĐKQSDĐ(bao gồm các quỹ, tài sản thuần)	4
Văn phòng Tỉnh ủy	14
Khối xã, phường, thị trấn	5.452
Cộng	11.445

Thặng dư năm 2019 gần 18.588 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 35,4% của tổng nguồn vốn), tăng hơn 4.240 tỷ đồng (tương đương 129,6%) so với năm 2018, trong đó: chênh lệch số phải thu với số phải trả báo cáo từ cơ quan Thuế với gần 2.313 tỷ đồng, tiền và tương đương tiền được giữ tại KBNN trên địa bàn gần 4.355 tỷ đồng; vốn nhà nước của các doanh nghiệp gần 2.640 tỷ đồng, thặng dư của ngân sách thành phố Hải Dương hơn 232 tỷ đồng, giảm trừ số dư nợ của Chính quyền địa phương hơn -186,4 tỷ đồng, thặng dư tại các đơn vị hơn 123 tỷ đồng chủ yếu tại các đơn vị sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên đơn vị	Số tiền
Khối trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	45
Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kinh Môn	1
Phòng Tài chính – KH huyện Thanh Hà	1
Ban quản lý di tích huyện Kinh Môn	1
Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản TP Chí Linh	1
Sở Tài chính	6
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1
Sở Giáo dục và Đào tạo	6
Sở Y tế tỉnh	37
Trường Đại học Hải Dương	8
Trường Cao đẳng Hải Dương	16
Cộng	123

Thặng dư cho thấy đây là một nguồn lực tài chính tiềm năng mà nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các

năm trước đây. Ngoài những đơn vị có số thặng dư, cá biệt theo báo cáo từ các đơn vị gửi đến, còn một số đơn vị thâm hụt như: Văn phòng HĐND và UBND thành phố Chí Linh thâm hụt -0,8 tỷ đồng; Văn phòng Tỉnh uỷ -0,8 tỷ đồng và khoản nợ của địa phương hơn -186,4 tỷ đồng.

Về mặt vật chất, nguồn lực tài chính này hiện hữu chủ yếu qua khoản giá trị tiền và tương đương tiền của Nhà nước và giá trị còn lại các tài sản cố định của tỉnh như đã nêu. Số liệu này sẽ là một căn cứ tài chính cho việc lập kế hoạch NSNN, kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo. Trong trường hợp thâm hụt, nó phản ánh khả năng rủi ro hoặc khả năng mất cân đối tài chính, hoặc các nghĩa vụ tài chính mà Nhà nước phải bù đắp trong các năm sau và cần tìm cách bổ sung nguồn thu hoặc tiết giảm các chi phí cho phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả hơn trong quản lý nền kinh tế xã hội bằng các biện pháp tài chính.

Về Nợ phải trả gần 1.048 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 2% của tổng nguồn vốn), tăng hơn 30 tỷ đồng (tương đương tăng 103%) so với năm 2018 trong đó:

- Các khoản phải trả ngắn hạn năm 2019 hơn 860 tỷ đồng đã loại trừ gần 601 tỷ đồng giao dịch nội bộ trong cùng tỉnh, chiếm tỷ trọng 1,64% của tổng nguồn vốn, tăng hơn 96 tỷ đồng (tương đương tăng 112.6%) so với năm 2018. Dư nợ chủ yếu ở các đơn vị sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên đơn vị	Số tiền
Khối trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	127
Phòng Quản lý đô thị	20,572
Phòng Tài chính – KH huyện Thanh Hà	1,137
Phòng Tài chính – KH huyện Bình Giang	1,031
Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nam Sách	140,093
Ban QL Di tích Chí Linh	2,554
UBND tỉnh	0,966
Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	11,125
Ban chỉ huy phòng chống thiên tai tỉnh	30,930
Sở Khoa học và Công nghệ	1,932
Trung tâm Tư vấn và dịch vụ tài chính – Sở Tài chính	1,833
Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hải Dương – Sở Xây dựng	1,780
Sở Giao thông - Vận tải	6,270
Trường Đại học Hải Dương	1,714

Trường Cao đẳng Hải Dương	8,760
Sở Y tế	968,593
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	12,295
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5,454
Sở Tài nguyên và Môi trường	54,014
TT Công nghệ thông tin và Truyền thông– Sở Thông tin và Truyền thông	3,847
Thanh tra Nhà nước tỉnh	10,659
Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh	2,943
Văn phòng Tỉnh ủy	35,138
Trường Chính trị tỉnh	1,263
...	...

- Các khoản nợ phải trả dài hạn năm 2019 hơn 187 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 0,36% của tổng nguồn vốn), giảm gần 66 tỷ đồng (tương đương giảm 74%) so với năm 2018, trong đó vay nợ của chính quyền địa phương là 186,4 tỷ đồng (dự án cấp nước sạch và VSNT Đồng bằng Sông Hồng: 120,8 tỷ đồng; dự án năng lượng nông thôn Re II: 54 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tỉnh Hải Dương: 11,6 tỷ đồng); Trường tiểu học Tân Tiến huyện Gia Lộc còn nợ hơn 0,13 tỷ; Trường tiểu học Cao An huyện Cẩm Giàng nợ gần 0,19 tỷ.

Chỉ tiêu nợ phải trả phản ánh nghĩa vụ tài chính của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với bên ngoài (các khoản nợ), do vậy cần theo dõi và phản ánh trung thực các khoản nợ phải trả, trên cơ sở đó có những đánh giá khách quan về tình hình nợ trong khu vực Nhà nước. Phân tích cho thấy: ngoài nguyên nhân hạch toán kế toán phản ánh còn sai sót dẫn đến việc tổng hợp chỉ tiêu BCTC không chính xác thì vẫn còn những đơn vị có số nợ phải trả, đã đặt ra phải có biện pháp trong công tác quản lý để xử lý dứt điểm tình trạng trên.

4.2. Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước 2019 (Phục lục II đính kèm, biểu 02 phân tích tình hình biến động Kết quả HĐKD)

Khác với Báo cáo tình hình tài chính 2019 phản ánh tài sản và nguồn hình thành (lũy kế) của nhà nước đến hết 2019, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính 2019 chỉ phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực Nhà nước theo từng năm của 2 năm liền kề (2018 và 2019), cụ thể:

- Đối với doanh nghiệp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính.

- Đối với khu vực nhà nước, Báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước (ví dụ: hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp; các hoạt động thu chi từ khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị...).

Theo đó, tổng doanh thu tài chính 2019 của tỉnh Hải Dương 17.191 tỷ đồng tăng hơn 3.269 tỷ đồng (tương đương tăng 123,48%) so với năm 2018 trong đó doanh thu thuộc NSNN hơn 16.393 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 95,36% tổng doanh thu), tăng gần 3.142 tỷ đồng (tương đương tăng 123,71%) so với năm 2018. Chủ yếu là doanh thu từ thuế hơn 8.438 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 49,08% của tổng thu nhập), tăng gần 127 tỷ đồng (tương đương tăng 101,53%) so với năm 2018; doanh thu từ phí, lệ phí hơn 645 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 3,75% của tổng thu nhập) tăng gần 124 tỷ đồng (tương đương tăng 123,77%) so với năm 2018; doanh thu khác gần 7.290 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 42,40%), tăng gần 2.901 tỷ đồng (tương đương tăng 166,09%) so với năm 2018. Trong khi doanh thu không thuộc ngân sách chiếm tỷ trọng rất nhỏ chỉ có 4,64% của tổng thu nhập bằng hơn 797 tỷ đồng tăng hơn 127 tỷ đồng (tương đương tăng 119,08%) so với năm 2018.

Tổng chi phí năm 2019 hơn 9.727 tỷ đồng tăng gần 2.183 (tương đương tăng 128,94%), trong đó chi phí từ nguồn NSNN là chủ yếu, gần 7.494 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 77,04% của tổng chi phí), tăng hơn 1.691 tỷ đồng (tương đương 129,27%) so với năm 2018, chủ yếu là chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người gần 4.448 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 45,72% so với tổng chi phí) giảm gần 317 tỷ đồng (tương đương giảm 93,35%) so với năm 2018; chi phí mua sắm vật tư, công cụ và dụng cụ gần 964 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 9,91% của tổng chi phí) tăng gần 351 tỷ đồng (tương đương 157,21%) so với năm 2018; chi phí hao mòn tài sản cố định hơn 523 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 5,38% của tổng chi phí) tăng gần 188 tỷ đồng (tương đương tăng 155,98%) so với năm 2018; chi phí khác hơn 1.552 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,96% của tổng chi phí), tăng gần 1.467 tỷ đồng so với năm 2018.

Tương đương với tỷ trọng doanh thu không thuộc ngân sách chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập thì chi phí từ nguồn ngoài ngân sách cũng thấp so với tổng chi phí hơn 2.233 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 22,96% của tổng chi phí), tăng hơn 491 tỷ đồng (tương đương tăng 128,22%) so với năm 2018, trong đó chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người tăng hơn 1.139 tỷ đồng (tương đương tăng 337,29%) so với năm 2018; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ giảm hơn 440 tỷ đồng (tương đương giảm 22,87%) so với năm 2018; chi

phí khấu hao tài sản cố định gần 13 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 0,13 của tổng chi phí), giảm hơn 20 tỷ đồng (tương đương giảm 38,79%) so với năm 2018; chi phí khác hơn 468 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 4,81% của tổng chi phí), giảm hơn -189 tỷ đồng (tương đương 71,19%) so với năm 2018.

Từ doanh thu và chi phí sẽ xác định được thặng dư trong năm 2019, theo đó số thặng dư năm 2019 là gần 7.464 tỷ đồng, tăng gần 1.087 tỷ đồng so với năm 2018 trong đó thặng dư từ NSNN hơn 8.900 tỷ đồng trong khi đối với khu vực ngoài ngân sách thì thâm hụt gần -1.436 tỷ đồng.

Như vậy, các hoạt động tài chính phát sinh chủ yếu từ thu, chi NSNN nên thặng dư chủ yếu cũng từ ngân sách nhà nước tạo ra. Đây là một kết quả tích cực, tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế- xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN còn chiếm tỷ trọng nhỏ, điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của địa phương; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

Các khoản thu nhập, đặc biệt là doanh thu từ thuế trong 02 năm gần đây cho thấy thu nội địa có tăng, tuy nhiên, cơ cấu nguồn thu mang tính chất ổn định có xu hướng giảm, cơ cấu nguồn thu không ổn định có xu hướng tăng, chủ yếu tăng thu tiền sử dụng đất. Tại ngân sách cấp huyện, nguồn thu chủ yếu dựa vào nguồn thu tiền sử dụng đất mang tính ổn định thấp, thể hiện tính bền vững cân đối chưa cao, do đó hụt thu ngân sách tỉnh dẫn đến tỉnh phải thực hiện các biện pháp xử lý hụt thu, đặc biệt là tình hình dịch bệnh COVID 19 đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân, làm tác động lớn đến tình hình tài chính của đất nước nói chung và của tỉnh nhà nói riêng.

Các khoản chi tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người từ nguồn ngân sách nhà nước là khá lớn, cần phải tiếp tục có các biện pháp về tinh giản, thu gọn tối thiểu bộ máy theo đúng Nghị quyết mà Đảng và Chính phủ đã đề ra. Trong cơ cấu chi từ NSNN, các khoản chi khác cũng còn tương đối lớn, gần 1.560 tỷ đồng, do vậy cần phải có tiếp tục thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chống lãng phí, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, vật tư văn phòng phẩm, khoán tiền xăng xe, công tác phí... phải sát với thực tế; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là

dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm xây dựng nền hành chính hiện đại, thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách.

Trái với các khoản chi từ nguồn ngân sách, các khoản chi từ nguồn ngoài ngân sách về chi con người chiếm tỷ trọng thấp so với các khoản chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí khác. Điều đó chứng tỏ tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các khoản thu, chi từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ, tăng cường tự chủ theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đảng, Chính phủ là hoàn toàn đúng đắn.

4.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)

Lưu chuyển tiền thuần cuối năm 2019 gần +5.589 tỷ đồng, phát sinh trong năm 2019 hơn +2.919 tỷ đồng, thể hiện quy mô vốn bằng tiền của địa phương đang tăng trưởng (tổng dòng tiền thu vào lớn hơn tổng dòng tiền chi ra) điều này tạo ra sự tăng trưởng vốn bằng tiền an toàn và bền vững, địa phương cần tiếp tục duy trì để từ đó gia tăng các hoạt động đầu tư, tài chính, tài trợ... trong các năm tiếp theo.

Lưu chuyển tiền thuần được tạo ra chủ yếu từ hoạt động thu, chi ngân sách năm 2019 thặng dư ngân sách gần 7.464 tỷ đồng trừ các khoản điều chỉnh (+,-) gần 1.299 tỷ đồng thì lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động ngân sách gần 8.763 tỷ đồng; lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm hơn -5.782 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính âm gần -61 tỷ đồng. Nếu xét trong một kỳ thì dòng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính âm có thể coi đó là sự phát triển chủ động trong các khoản trả nợ vay, tiếp tục mở rộng đầu tư phát triển, góp phần tăng thu cho NSNN làm tăng thặng dư từ hoạt động chính.

Đối với hoạt động đầu tư có số dư âm -5.782 tỷ đồng thể hiện trong năm chi mua sắm, đầu tư xây dựng TSCĐ gần 5.790, chi cho vay góp vốn 14 tỷ đồng (Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch: 0,2 tỷ đồng, Sở Tài nguyên và môi trường: 1,8 tỷ đồng, TT dịch vụ bán đấu giá 5 tỷ đồng; ngân sách tỉnh bổ sung vốn uỷ thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội 7 tỷ đồng), trong khi số thu về hoạt động đầu tư chỉ có gần 21.280 tỷ đồng bao gồm các khoản: tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ gần 0,5 tỷ đồng; tiền thu gốc khoản cho vay, bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư hơn 4,4 tỷ đồng (Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch: 0,2 tỷ đồng, Sở Tài nguyên và môi trường: 1,5 tỷ đồng, TT dịch vụ bán đấu giá 2 tỷ đồng, Sở Y tế 0,7 tỷ đồng); tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 16 tỷ đồng (Công ty CP Kinh doanh nước sạch Hải Dương 14 tỷ đồng, Công ty CP Cầu đường bộ Hải Dương 0,189 tỷ đồng, Công ty CP Truyền hình cáp Hải Dương 0,168 tỷ đồng; Công ty cổ phần quản lý công trình đô thị Hải Dương 0,042 tỷ đồng, Công ty cổ phần môi trường đô thị Hải Dương 0,126 tỷ đồng, Công ty cổ phần quản lý đường thủy 0,42 tỷ đồng).

Đối với hoạt động tài chính có số dư âm là hơn -61 tỷ đồng phản ánh các khoản chi về hoạt động tài chính (chi hoàn trả các khoản vay + chi các hoạt động tài chính khác) gần 63 tỷ đồng bao gồm: ngân sách tỉnh trả gốc nợ vay Ngân hàng Phát triển 32,5 tỷ đồng, ngân sách tỉnh trả nợ gốc vay WB dự án năng lượng RE II 7,709 tỷ đồng, ngân sách tỉnh trả nợ gốc vay WB dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn Đồng bằng Sông Hồng 12,875 tỷ đồng; Sở Tài nguyên và môi trường 0,150 tỷ đồng; Trường Đại học Hải Dương 0,025 tỷ đồng; các khoản chi từ hoạt động tài chính khác (chi phân phối các quỹ hơn 9 tỷ đồng), trong khi số tiền thu về hoạt động tài chính gần 1,8 tỷ đồng bao gồm: thu tiền các khoản vay gần 1,5 tỷ (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương gần 0,9 tỷ đồng; Sở Tài nguyên và môi trường gần 0,6 tỷ đồng) và thu tiền từ hoạt động tài chính khác gần 0,3 tỷ đồng.

Qua số liệu ta thấy, việc địa phương mở rộng đầu tư chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác dài hạn là gần 5.790 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 77,6% trong thặng dư ngân sách (7.464 tỷ đồng) là hợp lý, làm đòn bẩy thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương; tuy nhiên cũng phải cân nhắc đối với việc đầu tư mua sắm, xây dựng phù hợp hiệu quả, không dàn trải, tránh lãng phí, thất thoát, đặc biệt phải chú ý đến đầu tư mua sắm, sửa chữa XDCB ở khu vực cơ quan nhà nước cho phù hợp.

4.4. Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV đính kèm), gồm 2 phần:

- Phần thuyết minh: làm rõ hơn về tình hình kinh tế - xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và đặc biệt là giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 báo cáo tài chính nhà nước nêu trên chưa chi tiết được (đính kèm thuyết minh bằng lời).

- Phần số liệu: Cho thấy tình hình tài chính năm 2019 có nhiều khởi sắc, đa số các chỉ tiêu đều tăng trưởng, đặc biệt các chỉ tiêu về đầu tư về vốn góp tại các DNNN, chi ĐT XDCB, chi mua sắm, sửa chữa tăng trong khi các khoản phải trả (nợ công) giảm. Điều này phản ánh đang tiếp tục mở rộng đầu tư, phát triển, tạo đà cho các năm tiếp theo, cùng với đó là sự gia tăng về doanh thu từ thuế, doanh thu khác đã tạo ra thặng dư để tiếp tục mở rộng đầu tư, tài chính...(đính kèm số liệu)

Đối với chỉ tiêu tiền và tương đương tiền gần 5.589 tỷ đồng thì có gần 70 tỷ đồng tiền mặt. Tuy số dư tiền mặt chiếm tỷ trọng trong chỉ tiêu tiền và tương đương tiền nhỏ, chỉ bằng 1,25%, nhưng xét về tồn quỹ thì còn dư với số tiền lớn. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro, mất an toàn trong đó khối giáo dục 43 tỷ đồng (trong đó khối các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở gần 39 tỷ đồng), khối y tế 9 tỷ đồng, các đơn vị của Sở Tài nguyên và môi trường 1 tỷ đồng và một số các đơn vị khác....Do vậy cần tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng

tiền mặt trên tất cả các lĩnh vực theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt phải đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt về thu tiền học phí tại các cơ sở giáo dục vì đây là các cơ sở tiềm ẩn nhiều rủi ro, mất an toàn về quản lý tiền mặt.

5. Giải trình một số khác biệt trọng yếu giữa BCTCNN và báo cáo quyết toán NSNN tỉnh Hải Dương 2019:

Do phạm vi và phương pháp lập BCTCNN khác với báo cáo quyết toán NSNN nên số liệu trên BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có nhiều điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu, dẫn đến những cách nhìn khác nhau giữa số liệu tài chính nhà nước và NSNN.

- Số thu trên BCQTNSNN và doanh thu trên BCTCNN

BCQTNSNN	BCTCNN
(1) Các khoản thu NSDP hưởng 100%	Chỉ có khoản (1), (2), (6), (7) được phản ánh một phần hoặc toàn bộ vào Doanh thu thuộc NSNN-BCTC; Các khoản (3), (4), (5), (8) không được phản ánh vào doanh thu thuộc NSNN vì là giao dịch nội bộ được loại trừ (khoản 8) hoặc là được ghi nhận trong số dư đầu kỳ của chỉ tiêu Tiền & tương đương tiền (khoản 3, 4, 5)
(2) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	
(3) Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
(4) Thu kết dư	
(5) thu chuyển nguồn	
(6) Thu viện trợ	
(7) Thu bổ sung từ NS cấp trên	
(8) Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.	

Doanh thu NSNN phản ánh cả số liệu phải thu NSNN của cơ quan thuế đến hết 2019 do cơ quan Thuế quản lý phát sinh trong năm theo tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo; trong khi đó số quyết toán thu NSNN 2019 chỉ phản ánh số thực thu NSNN 2019 (*chi tiết chênh lệch mã biểu 03 đính kèm*).

- Số chi trên BCQTNSNN và chi phí trên BCTCNN

BCQTNSNN	BCTCNN
Chủ yếu là các khoản chi bằng tiền trong năm và chi tiết theo hoạt động:	Các khoản chi phát sinh trong năm làm giảm lợi ích của đơn vị (bao gồm các

chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi phí tiền vay, chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, chi chuyển nguồn sang năm sau; chi nộp ngân sách cấp trên.	khoản chưa chi bằng tiền và chi tiết theo yếu tố chi phí: con người; công cụ, dụng cụ, dịch vụ; hao mòn/khấu hao; tài chính; khác.
--	--

Trong số chi phí từ nguồn NSNN cho đầu tư XDCCB, số liệu chi phí khấu hao, hao mòn TSCĐ (hình thành từ NSNN do mua sắm hoặc do chi đầu tư XDCCB) chỉ được trích dần theo từng năm (tương ứng với tỷ lệ khấu hao, hao mòn theo quy định) từ khi bàn giao và đưa TSCĐ hoặc công trình XDCCB vào sử dụng; trong khi đó số chi NSNN cho ĐTXDCCB hàng năm cho công trình được tổng hợp toàn bộ vào báo cáo quyết toán chi NSNN theo niên độ ngân sách. Ngoài ra, theo phương pháp tổng hợp BCTCNN, chi phí từ nguồn NSNN không tổng hợp các số liệu chi NSNN như: chi chuyển nguồn; loại trừ các khoản chi bổ sung cân đối, bổ sung, mục tiêu...giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; chi cho hoạt động an ninh, quốc phòng; chi hỗ trợ cho các đơn vị khác đóng trên địa bàn.

- Kết dư trong BCQTNSNN và Thặng dư trong BCTCNN

+ Thặng dư trong năm phản ánh kết quả hoạt động trong năm tài chính (*chênh lệch giữa doanh thu và chi phí trong năm, bao gồm cả phần ngoài NS*). Ngoài ra, chi phí hao mòn/khấu hao TSCĐ (trong NS) không phải là khoản chi trên BCQTNSNN.

+ Kết dư là chênh lệch giữa số tiền thu vào (bao gồm cả tiền thu được nhưng không phải là thu nhập trong năm như: thu chuyển nguồn – dự toán, thu kết dư, ..) và số tiền chi ra NS trong năm (bao gồm số tiền chi ra nhưng không phải là chi phí trong năm như: chi đầu tư phát triển, chi chuyển nguồn - dự toán,...).

Từ sự khác biệt đó dẫn đến sự khác biệt về số liệu giữa thặng dư và kết dư NSNN 2018.

6. Giải pháp:

- Lập BCTCNN là một nội dung nghiệp vụ mới và khó đối với khu vực nhà nước và cơ quan quản lý, đơn vị dự toán trong việc lập và tổng hợp, phân tích số liệu tài chính nhà nước. Vì vậy, một số nội dung, số liệu được tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị còn có thể chưa được đầy đủ, nhất là các số liệu về tài sản cố định (tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, tài sản vô hình....) cần phải tiếp tục cập nhật, điều chỉnh.

- Đối với số vốn đầu tư tại các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính gần 2,640 tỷ đồng, tuy nhiên, số thu về cổ tức và lợi nhuận của các doanh

nghiệp và tổ chức này mới chỉ có hơn 16 tỷ đồng chiếm tỷ trọng rất nhỏ trên tổng số vốn nhà nước nắm giữ (0,6%), bên cạnh đó việc thu nộp của các doanh nghiệp, tổ chức này vào NSNN cũng không đáng kể. Vì vậy, cần xem xét cụ thể về hiệu quả đầu tư của khoản vốn này.

- Về việc vay nợ của tỉnh: Năm 2019 đã không phát sinh các khoản vay về đầu tư mà chủ yếu là trả nợ vay của Ngân hàng Phát triển và vay vốn tồn ngân của KBNN đã phát sinh vay từ các năm trước. Tuy nhiên, cũng phải cân nhắc để có thêm nguồn lực tài chính cho chi đầu tư phát triển, cần tính thêm việc vay nợ trong phạm vi cho phép và phù hợp với kế hoạch trả nợ để tạo nguồn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Về việc quản lý các nguồn thu tài chính:

+ Cùng với việc tiếp tục duy trì và tăng cường nuôi dưỡng các khoản thu từ thuế, cần tăng cường và đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công; thu từ các hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực là lợi thế so sánh của tỉnh so với các tỉnh khác để giảm tác động của các khoản thu không mang tính bền vững.

+ Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII), bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh theo quy định, phục hồi tăng trưởng, tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh phát triển nhằm nuôi dưỡng và tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

+ Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định; khẩn trương xử lý theo chế độ quy định các khoản tạm thu, tạm giữ, các khoản thuế đã kê khai nhưng chậm nộp và các khoản thuế được các cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị thu vào ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường quản lý thuế giá trị gia tăng, thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế đối với các trường hợp có rủi ro cao, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, để các khoản thu ngoài ngân sách nhà nước trái với quy định. Tập

trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giao chỉ tiêu thu nợ cụ thể và đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, hạn chế phát sinh nợ thuế mới; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế, đảm bảo đúng đối tượng, đúng pháp luật; đẩy mạnh công tác thanh tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của cơ quan thuế, hải quan; đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế để tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

+ Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản khu vực sự nghiệp công, tài sản là các loại kết cấu hạ tầng giao thông), tăng cường đẩy nhanh các quy trình thực hiện triển khai các dự án thu tiền sử dụng đất, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho các dự án có thu tiền sử dụng đất nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng để tạo nguồn tài chính bổ sung ngân sách nhà nước, phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và các nhu cầu khác theo quy định; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.

+ Khai thác hiệu quả tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản kết cấu hạ tầng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; chấm dứt việc sử dụng tài sản cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, kinh doanh không đúng quy định theo đúng tinh thần của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Đẩy mạnh các giải pháp trong công tác quản lý thu ngân sách, rà soát, đánh giá các khoản thu, phát hiện thêm các nguồn thu, khu vực thu mới từ các doanh nghiệp lớn, đảm bảo khai thác kịp thời, đầy đủ các nguồn thu vào NSNN.

- Về việc quản lý chi phí: Cần định hướng và kế hoạch tăng cường việc chi cho đầu tư phát triển để tạo nguồn thặng dư tăng thêm cho những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, tiếp tục tăng cường các giải pháp đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư công, tiết kiệm các chi phí tài chính, giảm tỷ lệ XDCh dở dang để nhanh chóng đưa công trình XDCh đi vào sử dụng, góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó tác động lại đến khả năng tạo nguồn cho hoạt động thu, chi tài chính.

+ Các cấp, các ngành, các địa phương cần thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Phòng chống tham nhũng trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách và có nguồn gốc từ NSNN. Tăng cường công tác quản lý, công tác thanh tra tài chính, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng ngân sách còn lãng phí, không đúng chế độ chính sách.

+ Các Sở, ngành, đơn vị dự toán, các huyện, thành phố, thị xã điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; chống lãng phí, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính hiện đại thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; khắc phục triệt để, không để xảy ra tình trạng nợ đọng khối lượng xây dựng cơ bản, tuân thủ nghiêm danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Nghiêm cấm thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định của pháp luật.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và thực hiện, công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi ngân sách nhà nước theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và quy định pháp luật. Xử lý nghiêm về tài chính theo quy định của pháp luật đối với các sai phạm về quản lý ngân sách và tài sản của nhà nước

+ Quan tâm đến chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2020 (nếu có) và tích lũy cho giai đoạn 2021-2025.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành, UBND các cấp tiếp tục hoàn thiện các điều kiện (ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật..) làm cơ sở để giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập, cũng như tạo điều kiện để thực hiện phương thức cấp ngân sách theo cơ chế đặt hàng theo tinh thần của Nghị định 32/2019/NĐ-CP.

- Về quản lý tài sản công và kết cấu hạ tầng: để đảm bảo chính xác số liệu về tài sản là kết cấu hạ tầng, rà soát và đảm bảo thực hiện theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ các tài sản là kết cấu hạ tầng theo đúng quy định.

- Trong thời gian tới cần quan tâm đến công tác lập, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước, cần quan tâm hơn đến vị trí, vai trò của BCTCNN trên cơ sở đó đánh giá về tình hình hoạt động tài chính của tỉnh như: Thông tin về tài sản nợ, thông tin về nợ phải trả, thông tin về nguồn vốn của địa phương, khả năng thanh toán, luân chuyển của vốn, khả năng thu hồi vốn. Các Sở, ban, ngành

chức năng, các đơn vị dự toán cấp 1 nâng cao chất lượng thẩm tra báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán cần tăng cường kiểm tra, tự kiểm tra việc ghi chép, hạch toán phản ánh trung thực các nghiệp vụ phát sinh, để thông qua BCTCNN có cách nhìn khách quan về tình trạng sức khoẻ tài chính của tỉnh cũng như hiệu quả trong quản lý tài chính của tỉnh, từ đó có định hướng chiến lược mở rộng, thu hẹp đầu tư, mua sắm từ khu vực nhà nước của tỉnh trong các năm tiếp theo.

- Đối với các đơn vị dự toán: cần tăng cường công tác quản lý tài chính tại đơn vị như: nâng cao trách nhiệm người đứng đầu chịu trách nhiệm trong các quyết định chuẩn chi theo đúng chế độ quy định; công khai, minh bạch tài chính; tiếp tục đẩy mạnh thu, chi không dùng tiền mặt, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục, y tế trong thu học phí, viện phí và các khoản thu khác tại đơn vị. Chủ động rà soát, lập BCTCNN đảm bảo số liệu phản ánh trung thực mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tính đúng đắn, tính cân đối theo đúng quy định.

- Kho bạc Nhà nước cần tiếp tục xây dựng văn bản hướng dẫn các KBNN ở địa phương phân tích BCTCNN theo đề cương tổng thể, thống nhất trên toàn hệ thống. Xây dựng tiện ích khai thác số liệu trên hệ thống Tổng kế toán nhà nước, cho phép tại KBNN ở địa phương kết xuất các chỉ tiêu báo cáo chi tiết từng đơn vị, làm cơ sở cho KBNN ở địa phương chủ động về số liệu, giúp cho việc phân tích được thuận lợi, sát với thực trạng quản lý tài chính tại địa phương.

Trên đây là nội dung về Báo cáo tài chính nhà nước năm 2019 tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu dự họp kỳ họp thứ 15 HĐND tỉnh khoá XVI;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Thư (30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Dương Thái